

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PGS

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Quản trị Kinh doanh

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN VĂN ANH**

2. Ngày tháng năm sinh: 20/07/1983; Nam ☒; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Nhân Trạch – Bố Trạch – Quảng Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): F3-C5 Nguyễn Trung Trực, P4, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): F3-C5 Nguyễn Trung Trực, P4, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng.

Điện thoại nhà riêng: 02633.821.441; Điện thoại di động: 0901351815; E-mail: anhnv@dlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9/2006 đến tháng 4/2008: Giảng viên, Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Đà Lạt.

Từ tháng 5/2008 đến tháng 2/2014: Giảng viên, Trợ lý Công tác sinh viên, khoa Kinh tế - Quản trị Kinh Doanh, Đại học Đà Lạt.

Từ tháng 3/2014 đến tháng 2/2017: Nghiên cứu sinh tiến sĩ, trợ lý nghiên cứu, trợ giảng tại Đại học Hanyang, TP. Seoul, Hàn Quốc.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ tháng 7/2017 đến 10/2019: Giảng viên, Trưởng Bộ môn Quản trị Doanh nghiệp, Khoa Kinh tế - Quản trị Kinh doanh, Đại học Đà Lạt.

Từ tháng 11/2019 đến tháng 1/2020: Giảng viên, Trưởng khoa Du Lịch, Đại học Đà Lạt

Từ tháng 2/2020 đến nay: Giảng viên Chính, Trưởng khoa Du Lịch, Đại học Đà Lạt.

Từ tháng 2/2020 đến nay: Bí thư Chi bộ Du Lịch, Đảng bộ Đại học Đà Lạt, Đại học Đà Lạt.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng Khoa Du Lịch; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại Học Đà Lạt

Địa chỉ cơ quan: 01 Phù Đồng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại cơ quan: 02633.822.246

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày **15** tháng **06** năm **2005**; số văn bằng: **C631350**; ngành: **Kinh tế**, chuyên ngành: **Quản trị Kinh doanh**; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): **Đại học Đà Lạt, Việt Nam**.

- Được cấp bằng ThS ngày **27** tháng **10** năm **2011**; số văn bằng: **CH11-0720**; ngành: **Quản trị Kinh doanh**; chuyên ngành: **Quản trị Kinh doanh**; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): **Đại học Quốc Gia TP. HCM – Trường Đại học Bách Khoa**.

- Được cấp bằng TS ngày **17** tháng **02** năm **2017**; số văn bằng:; ngành: **Quản trị Kinh doanh**; chuyên ngành: **Marketing**; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): **Đại học Hanyang, Hàn Quốc**.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Đà Lạt.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Marketing trong lĩnh vực dịch vụ

Quản trị nguồn nhân lực

Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **00** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **08** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

Chủ nhiệm: **03** đề tài KH & CN cấp cơ sở (hoàn thành, nghiệm thu)

Thành viên: **02** đề tài KH & CN cấp bộ (hoàn thành, nghiệm thu)

- Đã công bố **36** bài báo khoa học, trong đó **07** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) **00** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **04**, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản trong nước có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm học 2011-2012; 2017-2018; 2020-2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong khoảng thời gian dài đóng góp cho công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng tại Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh và Khoa Du Lịch, Trường Đại học Đà Lạt, ứng viên tự đánh giá bản thân đủ tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo. Bản thân luôn có ý thức giữ gìn đạo đức và danh dự của một nhà giáo, là người có lối sống lành mạnh, chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, chấp hành nghiêm quy định của Nhà trường nơi tôi công tác. Ứng viên đã luôn tâm huyết với nghề giáo, đồng thời luôn sẵn lòng giúp đỡ, hợp tác tốt với đồng nghiệp và người học để góp phần tạo dựng môi trường làm việc công bằng lấy người học làm trung tâm trong các hoạt động của mình.

Trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ, ứng viên luôn nêu cao tinh thần tự học, phấn đấu liên tục để nâng cao trình độ cũng như luôn cập nhật các kiến thức mới và phương pháp giảng dạy hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới ngày càng cao của người học cũng như xã hội. Đồng thời trong tất cả các năm học vừa qua, ứng viên luôn hoàn thành định mức giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học mà Nhà trường giao phó. Cùng với đó là sự là sự tham gia các hoạt động hướng dẫn nghiên cứu khoa học sinh viên, hướng dẫn sinh viên hoàn thành khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp và luận văn thạc sĩ.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, tôi xem đây như là một nhiệm vụ quan trọng không kém các hoạt động giảng dạy, do vậy bản thân luôn chú trọng công tác nghiên cứu khoa học và công bố trên các tạp chí chuyên ngành, đồng thời luôn khuyến khích các học viên, sinh viên tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học trong quá trình theo học tại Nhà trường. Bản thân luôn hoàn thành vượt mức giờ NCKH quy định hằng năm tại đơn vị. Đồng thời tôi cũng tích cực tham gia tổ chức các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế nhằm kết nối và học hỏi với các nhà khoa học hàng đầu trong nước cũng như quốc tế qua đó tạo ra sự giao lưu trao đổi học thuật trong đội ngũ các giảng viên, nhà nghiên cứu trẻ. Tôi đã xuất bản một giáo trình và ba cuốn sách chuyên khảo để phục vụ công tác giảng dạy đại học và sau đại học. Đồng thời công bố 40 công trình khoa học trên các tạp chí và hội thảo trong

nước cũng như quốc tế, trong đó có 07 công trình được đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín. Đến nay, tôi đã hướng dẫn **08** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ.

Ngoài ra, ứng viên cũng tham gia tích cực vào công tác quản lý tại đơn vị được phân công cũng như phục vụ cộng đồng. Với vai trò là trưởng khoa Du Lịch tôi đã chủ động đề xuất và tham gia các hoạt động nhằm thúc đẩy sự phát triển của đơn vị như cải tiến chương trình đào tạo theo chuẩn CDIO, tăng cường kết nối với cộng đồng doanh nghiệp; tham gia phản biện độc lập cho các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế cũng như các hội đồng khoa học xét duyệt đề tài và đánh giá luận văn luận án nhằm thể hiện tinh thần trách nhiệm phục vụ cộng đồng của một giảng viên, một nhà khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số ≈ 17 năm (từ tháng 9/2006 đến nay).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2011-2012			0	1	225	0	225/364/221
2	2012-2013			0	1	225	0	225/305/221
3	2017-2018			0	1	481	165	646/898/123
4	2018-2019			02	1	221	135	356/536/216
03 năm học cuối								
5	2019-2020			02	2	355	75	410/677/194
6	2020-2021			03	2	642	150	792/1205/162
7	2021-2022			01	2	655	150	805/1155/162

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

Bảo vệ luận án TS; tại nước: **Hàn Quốc**; năm **2016**.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☐ ;

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng	Trách nhiệm hướng dẫn	Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có
----	-------------------------------	-----------	-----------------------	------------------------------------	---------------	-----------------------------------

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

		NCS	HVCH/CK2/BSN T	Chính	Phụ			quyết định cấp bằng
1	Nguyễn Thị Tuyệt Hạnh		HVCH	X		7/2018 – 5/2019	Trường ĐH Đà Lạt	25/10/2019
2	Nguyễn Minh Quang		HVCH	X		7/2018 – 5/2019	Trường ĐH Đà Lạt	25/10/2019
3	Nguyễn Thị Năm		HVCH	X		10/2019 – 9/2020	Trường ĐH Đà Lạt	20/10/2020
4	Ngô Thành Được		HVCH	X		10/2019 – 9/2020	Trường ĐH Đà Lạt	20/10/2020
5	Trần Ngọc Hình		HVCH	X		1/2020 – 9/2020	Trường ĐH Đà Lạt	01/12/2020
6	Huỳnh Lâm		HVCH	X		1/2020 – 9/2020	Trường ĐH Đà Lạt	01/12/2020
7	Trần Thị Hiền		HVCH	X		1/2020 – 9/2020	Trường ĐH Đà Lạt	03/06/2021
8	Nguyễn Thanh Hoa		HVCH	X		10/2020 – 10/2021	Trường ĐH Đà Lạt	31/12/2021

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Thị Trường Chứng Khoán	CK	NXB Đại học Cần Thơ – 2018 ISBN: 978-604- 919-980-6	02		Chương 5-7, Từ trang 89 đến trang 116	Giấy chứng nhận sử dụng sách/ giáo trình phục vụ đào tạo số 628/ĐHĐL, ngày 16/6/2022
2	Bài tập tình huống trong Marketing	CK	NXB Đại học Cần Thơ – 2018 ISBN: 978-604- 965-078-9	02		Tình huống 15 đến 27, Từ trang 31 đến trang 70	Giấy chứng nhận sử dụng sách/ giáo trình phục vụ đào tạo số 627/ĐHĐL, ngày 16/6/2022

3	Apply of Animosity Theory and Ethnocentrism in Marketing – A Case in Vietnam Market	Ck	NXB Khoa Học Xã Hội– 2020 ISBN: 978-604-308-175-6	01	Chủ biên	Viết một mình	Giấy chứng nhận sử dụng sách/ giáo trình phục vụ đào tạo số 626/ĐHĐL, ngày 18/6/2021
4	Marketing dịch vụ	GT	NXB Đà Nẵng – 2022 ISBN: 978-604-84-6679-4	02	Đồng chủ biên	Chương 1-7	Giấy chứng nhận sử dụng sách/ giáo trình phục vụ đào tạo số 631/ĐHĐL, ngày 16/6/2021

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) **sách chuyên khảo** do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: **01 [số thứ tự 3]**

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Phân tích kỹ thuật nhằm dự báo xu hướng chỉ số chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Chủ nhiệm	Đề tài NCKH cấp cơ sở [Trường ĐH Đà Lạt]	1/2009 – 12/2009	12/2009 Xếp loại: Khá
2	Khảo sát ý kiến khách hàng về điểm mạnh, điểm yếu của du lịch Đà Lạt, Lâm Đồng	Thành viên	Cấp Bộ/B14-28-2009	2009 - 2011	12/2011 Xếp loại: Khá
3	Các yếu tố cấu thành chất lượng dịch vụ tại các điểm tham quan du lịch tại Đà Lạt	Thành viên	Cấp Bộ/B2010-05	2010 - 2012	12/2012 Xếp loại: Khá
4	Đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của sinh viên đối với chất lượng đào tạo tại trường đại học Đà Lạt	Thành viên	Đề tài NCKH cấp cơ sở [Trường ĐH Đà Lạt]	1/2012 – 12/2012	12/2012 Xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ thông tin di	Chủ nhiệm	Đề tài NCKH cấp cơ sở	4/2019 – 12/2019	12/2019 Xếp loại: Khá

	động – Nghiên cứu trường hợp tại Việt Nam		[Trường ĐH Đà Lạt]		
2	Vai trò của không gian dịch vụ đối với chất lượng dịch vụ và ý định hành vi khách hàng – Một nghiên cứu trong lĩnh vực chuỗi quán cà phê tại Việt Nam	Chủ nhiệm	Đề tài NCKH cấp cơ sở [Trường ĐH Đà Lạt]	1/2020 – 8/2021	9/2021 Xếp loại: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
Tạp chí quốc tế								
1	Effect of Authenticity and Transparency of NPO on Intention to Donate: Mediating Effect of Trust	04		Korean NPO Review [1598-5806]	Tạp chí quốc tế khác		Số 14(2), Trang 3-22	12/2015
2	Antecedents of intention and usage toward customers' mobile commerce: Evidence in Vietnam	03		Journal of Global Scholars of Marketing Science [2163-9159]	[Taylor & Francis group] ISI-ESCI	17	Số 26 (2), Trang 129-151	3/2016
3	The Study of Intention to Donate to NPO by Using	04		Journal of the Korea Service Managemant Society [1598-1150]	Tạp chí quốc tế khác	1	Số 17(1), Trang 23-41	3/2016

	Conjoint Analysis							
4	Why Consumers Use Mobile Commerce? International Comparative Study of M-Commerce Model	03		Asia Marketing Journal [2765-6500]	[Korean Marketing Association – Korea] Tạp chí quốc tế khác [DOAJ]		Số 18(3), Trang 65-88.	12/2016
Tạp chí trong nước								
5	Phân tích kỹ thuật nhằm dự báo xu hướng chỉ số giá chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam	02		Thông báo khoa học Đại học Đà lạt			Trang 137 - 146.	Tháng 12/2009
6	Momentum and contrarian strategies evidence in VietNam Stock Market	02		Tạp chí Khoa học Đà Lạt [0866-787X]			Số 4, Trang 65 – 75	11/2012
7	Đo lường sự thỏa mãn của khách hàng sử dụng khách sạn tại TP. Đà Lạt.	03	X	Tạp chí Khoa học Đà Lạt [0866-787X]			Số 5, Trang 55 – 67	3/2013
8	Sự hài lòng trong công việc của giảng viên tại các trường Đại học và cao đẳng trên địa bàn Lâm Đồng	02	X	Tạp chí Kinh tế & Dự báo [0866-7120]			Số chuyên đề tháng 7, Trang 19-21	7/2014
II	Sau khi được công nhận TS							
Tạp chí và hội thảo quốc tế								
9	Effects of Consumer	03		Hội thảo quốc tế:			1, 470-496	9/2017

	Perception of CSR Activities and Technology Acceptance on Intention to Adopt Mobile Banking: Evidence in Vietnam			ICFE 2017 - The 4th International Conference on Finance and Economics. Published by: Libuše Macáková – Melandrium ISBN: 978-80-87990-11-7				
10	The Role of Animosity on Purchasing Foreign-made Products: Evidence in the relationship between Vietnam and China	02	X	Hội thảo quốc tế: MICA 2018 Proceeding – The second international conference: Marketing in the connected age ISBN: 978-604-84-3471-7			1, 429-451	10/2018
11	Behavioral Intention Of Young Consumers Towards The Acceptance Of Social Media Marketing in Emerging Markets.	02		Management-Poland [1429-9321]	ISI - ESCI	1	Số 24(2), Trang 69 - 93	12/2020
12	An Integrated Model of CSR Perception and TAM on Intention to Adopt Mobile Banking	02	X	Journal of Asian Finance, Economics and Business [2288-4637]	ISI - ECSI Scopus (Q3)	10	Số 2(12), Trang 1073-1087	12/2020
13	The Role of Trust Factors Toward Technological Innovation in Explaining	03		ACADEMY OF ASIAN BUSINESS REVIEW [2384-3454]	Academy of Asian Business, Korea Tạp chí quốc tế khác		Số 7(1), Trang 11-36	6/2021

	the Effects of CSR Concerns on Mobile Banking Adoption: A Comparative Study Between Vietnam and South Korea						
14	Impact of CSR activities towards adoption of Mobile Banking	02	X	Cogent Business & Management [2331-1975]	ISI – ESCI Scopus - Q2	Số 8(1), Trang 1962486	8/2021
15	Servicescape in Delivering Values to Customer to Enhance Service Quality and Behavioural Intention	02	X	Journal of Distribution Science [1738-3110]	Scopus – Q4	Số 19(9), Trang 29-39	9/2021
16	Entrepreneurial culture and innovative work behaviour: the mediating effect of psychological empowerment	05	X	Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies [2053-4604]	Emeral Publishing ISI - ESCI Scopus-Q1	Online first https://doi.org/10.1108/8/JEEE-04-2021-0132	11/2021
17	Consumer Psychology About Animosity And Ethnocentrism On Judgment And Reluctance To Buy Foreign-	02	X	Journal of Positive Psychology and Wellbeing	Scopus-Q1	Số 6(1), Trang 3690 – 3708	6/2022

	Made Products							
Tập chí và hội thảo trong nước								
18	The role of transparency on intention to donate money to charitable organizations-combination of multiple correspondence analysis and conjoint analysis.	03	X	Tạp chí Khoa học Đà Lạt [0866-787X]			Số 7(1), Trang 3-22	3/2017
19	Mối quan hệ giữa niềm tin và sự sẵn lòng tham gia vào nền kinh tế chia sẻ - Nghiên cứu tại Việt Nam.	03	X	Tạp chí kinh tế và Dự báo			Số 33, Trang 53-57.	11/2018
20	Động cơ ảnh hưởng đến ý định mua cà phê nguyên chất: Nghiên cứu tại thành phố Đà Lạt	02	X	Tạp chí nghiên cứu kinh tế [0866-7489]			Số 6 (493), Trang 57-69	6/2019
21	Nghiên cứu sự hài lòng trong công việc tại Vietinbank Lâm Đồng	02	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo [0866-7120]			Số 21, Trang 83-87	7/2019
22	Ảnh hưởng đến nhận biết thương hiệu và hoạt động truyền miệng cho sản phẩm trà Oolong Cầu đất Farm, tỉnh Lâm Đồng	02		Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế [0866-7489]			Số 10(497), Trang 76-86	10/2019

23	Impact of corporate social responsibility on reputation, trust, loyalty of the customers in the banking sector– Evidence in Dalat city.	03		Science & Technology Development Journal- Economics- Law and Management [2588-1051]			Số 3(3), Trang 220-235	12/2019
24	Ứng dụng chỉ số hài lòng khách hàng Hoa Kỳ tại Việt Nam– Một nghiên cứu trong lĩnh vực dịch vụ viễn thông di động	02	X	Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á [2515-964X]	5		Số 30(12), Trang 36-54	3/2020
25	Nghiên cứu mối quan hệ giữa căng thẳng nơi làm việc, cảm xúc lao động và định hướng khách hàng của nhân viên tuyển đầu tại các khách sạn ở TP. Đà Lạt	02	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo [0866-7120]			Số 15, Trang 131-135	05/2020
26	Vai trò của chất lượng cuộc sống công việc đối với sự gắn kết của người lao động – Một nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục đại học	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế [0866-7489]			Số 8 (507), Trang 33-43	8/2020
27	Vai trò của không gian dịch vụ đối với chất lượng dịch vụ	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế [0866-7489]			Số 10 (509), Trang 32-42	10/2020

	và ý định hành vi khách hàng – Một nghiên cứu mới tại thị trường Việt Nam							
28	Tác động của căng thẳng nơi làm việc đến cảm xúc lao động và định hướng khách hàng: một nghiên cứu trong lĩnh vực khách sạn tại Việt Nam.	02	X	Tạp chí Khoa học Thương Mại [1859-3666]			Số 147, Trang 53-61	10/2020
29	Tác động của không gian dịch vụ đối với chất lượng dịch vụ và ý định hành vi khách hàng – Nghiên cứu tại các chuỗi quán cà phê ở Việt Nam	02	X	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Economics-Law and Management [2588-1051]			Số 4(4), Trang 1093-1103	11/2020
30	Đánh giá sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ công trực tuyến - Góc nhìn từ những người đã sử dụng dịch vụ	02		Tạp chí Khoa học Thương Mại [1859-3666]			Số 149&150, Trang 156-166	1/2021
31	The relationship of corporate social responsibility to customer loyalty - A study in	02	X	Science & Technology Development Journal - Economics - Law and Management [2588-1051]			Số 5(1), Trang 1299-1313	2/2021

	Vietnam market							
32	Ứng dụng chỉ số hài lòng khách hàng Châu Âu – Nghiên cứu trong lĩnh vực Viễn thông Di động tại Việt Nam	02	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế [0866-7489]			Số 3 (514), Trang 24-37	03/2021
33	Assessing the Factors Affecting Quality of Work Life on Work Engagement: The Case of Dalat University	02	X	Vietnam's Socio-Economic Development [0868-359X]			Số 26 (1), 105, trang 59 – 75	4/2021
34	Các nhân tố tác động đến ý định tiếp nhận Marketing qua các công cụ truyền thông xã hội	02	X	Tạp chí Kinh tế & Dự báo			Số 15 (769) Trang 96 – 99.	5/2021
35	Sử dụng kỹ thuật Delphi trong triển khai thẻ điểm cân bằng (BSC) tại VNPT Lâm Đồng	02		Tạp chí Kinh tế - Châu Á Thái Bình Dương			Số 6 (591), Trang 93 – 95.	6/2021
36	Thái độ của người dân đối với du lịch quá tải – Một nghiên cứu tại TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	02	X	TED-2021- Proceedings of the International Conference on Culture, Education, and Tourism with Economic Development			Số 1 – Phần 4, Trang 632-642	8/2021

				[978-604-80-5756-5]				
37	Trách nhiệm xã hội góp phần xây dựng niềm tin khách hàng và danh tiếng doanh nghiệp - Một góc nhìn của người tiêu dùng Việt Nam.	01	X	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế [0866-7489]			Số 11(522), Trang 84-97	11/2021
38	Động cơ nào ảnh hưởng đến ý định mua thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam	02		Tạp chí Khoa học Thương mại [1859-3666]			Số 160, Trang 46-59.	12/2021
39	Chiến lược thực hiện trách nhiệm xã hội để xây dựng danh tiếng công ty trong bối cảnh covid-19	01	X	ELIS-2021 Proceedings of the International Conference on the Economic, Culture, and Legal Issues in Sustainable Development [ISBN: 978-604-79-3119-4]			Tập 1- phần 2, Trang 489-497	12/2021
40	Corporate social responsibility, customer trust and corporate reputation in the COVID-19 pandemic: Evidence in the car industry in Vietnam market.	02	X	Science & Technology Development Journal - Economics - Law and Management [2588-1051]			Số 6(2)	5/2022

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **05** với số thứ tự là **[12], [14], [15], [16], [17]**.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Rà soát, điều chỉnh, cải tiến chương trình đào tạo bậc đại học theo chuẩn đầu ra CDIO	Ủy viên tham gia	Quyết định số 127/QĐ-ĐHDL, ngày 28/2/2020 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Đà Lạt	Trường Đại học Đà Lạt	Quyết định số 463/QĐ-ĐHDL, ngày 22/6/2020 của Trường Đại học Đà Lạt	Ủy viên ban rà soát, điều chỉnh cải tiến; Trưởng nhóm ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất GTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Anh